

## MỘT THOÁNG VỀ LỄ HỘI DÂN GIAN CỔ TRUYỀN

HƯƠNG NGUYỄN

Lễ hội của người Việt là một thuộc tính cơ bản trong hệ thống sinh hoạt văn hóa của người Việt. Có thể nghĩ rằng, lễ hội đã được nảy sinh từ thời nguyên thủy hay ít nhất từ khi người Việt đã gắn sản xuất nông nghiệp vào nhận thức liên quan đến thời gian và không gian của tự nhiên và vũ trụ. Trong một giới hạn nhất định, chúng tôi đề cập tới lễ hội của cộng đồng.

Gần đây, nhiều nhà lãnh đạo và nghiên cứu văn hóa đã chú ý nhiều đến lễ hội, từ đó nảy sinh những quan niệm rất khác nhau, nhưng hình như mới chỉ quan tâm đến cái “thể” thực tại của lễ hội, mà chưa mấy người chú ý tới cái “mật” và “dụng” của nó, nên đã đưa ra một số ứng xử có vẻ như vượt ra ngoài “đường ray” của khoa học, dẫn đến những hiện tượng như “kịch bản hóa lễ hội”, rồi “tăng cường hội mà giảm lễ”, coi lễ (cơ bản) là cúng bái và hội chỉ là trò chơi dưới các dạng tinh thần thượng võ hay những sinh hoạt thể thao và vui chơi khác. Có thể nói rằng, những nhận thức đó tưởng như là tích cực, song, rõ ràng nó đã làm méo mó nhận thức về lễ hội truyền thống, làm nhòe tinh thần tích cực thuộc lịch sử trong vai trò cốt lõi của lễ hội, cũng có nghĩa làm nhòe tinh thần tìm về bản sắc văn hóa dân tộc theo như Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.

Thực ra, vấn đề lễ hội phức tạp hơn rất nhiều, bởi chữ hội không mang nghĩa là trò chơi, mà mang nghĩa là tập hợp. Vậy, lễ hội là một cặp phạm trù thống nhất, vì lễ hội là sự tập hợp một cộng đồng người nhất định để thực hiện những điều về lễ. Suy cho cùng, chính lễ là cái cơ bản, mà cúng bái (bị hiểu lầm là lễ) chỉ là một thuộc tính phổ biến trong mối quan hệ với thế lực siêu nhiên/hình mà thôi.

Chúng ta có thể thấy được trong lễ hội đã từng xảy ra những hiện tượng tranh cướp vô cùng mất

trật tự để dẫn đến nhận thức “tả tơi chơi hội” như: hiện tượng cướp cầu (Phú Thọ), cướp kén (Sơn Tây), cướp gậy đỏ (Sơn Đông)... và nhiều hiện tượng ở các nơi khác. Cũng trong lễ hội, biết bao hiện tượng gắn với thiên nhiên vũ trụ, như múa rồng, sư tử, rồi những hình thức giữ cóc trong vòng tròn, đồng thời vừa thổi cơm thi, ở Hà Tây xưa. Ngoài ra, còn biết bao tục hèm mà theo nhận thức của tầng lớp trí thức Nho học coi là tục tữu, kể ra không thiếu... Chúng ta còn phải quan tâm đến những lễ hội cầu mưa, cầu mùa sinh sôi, nhiều khi gắn với tục đốt pháo. Cũng không thể bỏ qua được hiện tượng rước và tế thần mà hầu như tới nay ở mọi lễ hội đều có.

Suy cho cùng, tạm có thể thấy mối quan hệ trong lễ hội được diễn ra ở mấy khía cạnh sau:

- Sự quay lại với thời hỗn mang (trong lịch sử loài người);
- Mối quan hệ với thần linh, cộng đồng và bản thân;
- Mối quan hệ với thiên nhiên trên nền tảng nông nghiệp (một trọng tâm của lễ hội)...

### 1. Sự quay lại với thời hỗn mang

Người Việt là cư dân nông nghiệp, chủ yếu sử dụng thời gian theo chu trình khép kín của mùa màng. Vì thế, những ngày đầu năm được coi như khởi đầu cho chu trình thời gian sản xuất. Với tư duy coi trọng tổ tiên, nên bước vào năm mới là lễ gia tiên, tiếp theo là lễ hội, rồi tới đón mưa và cày cấy, chăm lo cho tới mùa thu tháng Tám, tháng Chín, thường làm lễ cầu tạnh cho lúa chắc hạt, để rồi tháng Mười gặt hái vào lễ cơm mới và Một, Chạp là thời gian gần như không được tính vào chu trình, nhưng đó là giai đoạn mà con người liên hệ với các kiếp đời đã qua. Rồi tết lại đến và một chu trình mới gần như nguyên vẹn sẽ diễn ra. Chính với

chu trình sản xuất khép kín này đã tạo nên cho người Việt và nhiều cư dân tương đồng khác một nhận thức văn hóa có phần riêng, đặc biệt là ở tạo hình có nét uyển chuyển mềm mại, lặp đi lặp lại, đầy chất trữ tình... Song, có một điều đáng quan tâm hơn là người Việt cũng đã đồng nhất chu trình này với lịch sử phát triển của loài người, mà giai đoạn khởi đầu người nguyên thủy còn sống trong móng muội, chìm trong "thời gian chiêm bao" với tư duy liên tưởng mênh mông ngang tầm trời đất, như cố Giáo sư Từ Chi đã nói: đó là thời kỳ vàng son của tư duy nhân loại. Tuy nhiên, thời kỳ này, vũ trụ và thế gian còn hỗn độn, chưa hề có trật tự. Ảnh xạ của nó vào trong lễ hội là những hình thức có vẻ như phi lý, mà hữu lý của tư duy dân gian, như hiện tượng cướp cầu và nhiều hình thức mất trật tự khác. Lấy một vài ví dụ, như tục ném đá chùa Hương, giữa người Yến Vĩ và Đục Khê. Ngay trước tết, một số bà mẹ của làng Yến Vĩ âm thầm tắm rửa sạch sẽ, ăn chay để phần nào là một hóa thân của bà mẹ đất, khoảng ngày 28 tháng Chạp, lặng lẽ ra nhặt những hòn đá, vừa nắm tay, xếp thành đống bên bờ đìa..., đến ngày mồng 2, đàn ông con trai làng Yến Vĩ xách giỏ nhặt những hòn đá thiêng đó tới làng Đục Khê. Và, cuộc ném đá bắt đầu. Cả một trời đá bay, hai bên ném nhau (không được sử dụng bất kể chất liệu nào ngoài đá). Tiếng hò reo vang trời, cho đến sáng ngày mồng 6 tháng Giêng với lễ mở cửa rừng thì tục ném đá mới kết thúc. Trong lễ này, ông Mo khẩn thần linh, đất trời... mà như cố Giáo sư Từ Chi đã tóm tắt lời khẩn, có thể như sau: Hỡi các thần linh, hôm nay, ngày rày, cuộc ném đá đã dừng lại (thời hỗn mang đã qua rồi), xin các thần linh hãy đưa thiên nhiên, vũ trụ đi vào trật tự, để mưa thuận, gió hòa, cho chúng tôi thuận tiện kiếm được của cải trong rừng và mùa màng bội thu... Từ Chi có nói rằng, những ý này không phải là dịch từ tiếng Mường mà chỉ là lấy theo những nghĩa chính của lời khẩn mà thôi. Để giải mã câu chuyện này, ông cũng đã chỉ ra, vào thời nguyên thủy, con người đã chế tác ra những công cụ bằng đá và bằng đồng (nhiều hiện vật mang giá trị nghệ thuật rất cao). Rồi thời gian đó qua đi, những công cụ này không dùng tới nữa, chúng chìm dần vào trong lòng đất. Về sau, do vô tình qua hiện tượng cây xới, họ tìm lại được các hiện vật đó, nhưng họ không tin là do chính con người làm ra, họ cũng không tin là có trong tự nhiên..., cuối cùng họ gán cho là của thần linh. Và, đá của thần linh thì tự nó

đã chứa đựng một sức linh nhất định. Theo dòng tín ngưỡng thì chất liệu bằng đá hay đồng cũng trở nên thiêng. Và, cho đến nay, để đảm bảo sự thiêng liêng đó thì nhiều đồ thờ cúng làm bằng chất liệu đá, đồng hoặc đất luyện... Như vậy, chúng ta có thể hiểu được cả một trời đá bay là bầu trời sinh lực mang ước vọng vô bờ bến của cư dân nơi đây gắn chặt với những tín ngưỡng liên quan tới nền sản xuất, ít nhiều đồng nhất với không/thời gian từ thời hỗn mang.

Một hiện tượng mất trật tự và cần phải tạo nên sự mất trật tự đó, để như nhắc nhở trời đất sớm đi vào mưa thuận, gió hòa, ít nhiều như còn gặp ở hiện tượng Đô Ông Đám của làng Đồng Ky, rồi tục cướp cầu mà nhiều khi còn đổ nước ra ruộng, để dễ trơn trượt lắm lem hay những hiện tượng như ở hội Chen (Nga Hoàng, Bắc Ninh), cướp cây bông ở hội Sóc Sơn... kể ra không thiếu. Đến tháng Tư là tết đầu năm, với tục đón mưa của cư dân Đông Nam Á, có hội Gióng - Phù Đổng, với tục cướp chiếu... Rõ ràng là những hình thức mất trật tự ấy đã bắt nguồn từ một thời kỳ xa lắc xa lơ của nhân loại. Đương nhiên nó không thể chối bỏ những dòng chảy văn hóa của các thời kỳ lịch sử tích tụ vào, khiến cho nhiều khi làm méo mó bộ mặt khởi nguyên của nó.

## 2. Mối quan với thần linh, cộng đồng và bản thân

Như trên đã nói, hội là sự tập hợp của cộng đồng nhất định để thực hiện một số điều về lễ. Ở một giới hạn nhất định thì lễ được coi như là mối ứng xử.

### 2.1. Ứng xử với thần linh:

Trước đây, người Việt thường chưa đẩy thần linh lên cao, trong một giới hạn nhất định, họ đã coi thần linh như một thứ công cụ tinh thần thiêng liêng, phải vì con người mà tồn tại. Quan niệm này phần nào cho thấy, thần linh đã rất đời và là sự tích tụ ước vọng đời thường. Tấm bia đời Thái Hòa (1443- 1453) ở chùa Bối Khê, Thanh Oai, Hà Nội đã từng ghi: "Anh tú của đất trời là sông núi, anh tú của sông núi là thần linh..." và thần linh cần phải đem đến cho con người mưa thuận, gió hòa, mùa màng tốt tươi. Từ nhận thức đó, con người luôn ứng xử với thần linh với một lòng kính trọng, miễn sao thần đưa đến hạnh phúc, theo quan niệm của họ. Việc ứng xử với thần linh trong lễ hội thường diễn ra dưới nhiều dạng thức khác nhau như cúng bái, mà nhiều người nhầm lẫn đấy mới là lễ, song thực tế, cúng bái chỉ là một thuộc tính trong mối

ứng xử với thần linh mà thôi. Cũng từ sự ứng xử này, người ta đề cao thần linh, ít nhất, dưới hai hình thức khác nhau, đó là: tế thần, đây là một hình thức chịu ảnh hưởng từ việc sinh hoạt của triều đình, được thông qua những tổ chức chính quyền và các hội đồng của làng xã, nhất là ở thời kỳ muộn, được tổ chức theo kiểu “hương đảng tiểu triều đình”. Hình thức này có tác dụng đề cao vị thần, ít nhiều cũng đáp ứng được yêu cầu của quần chúng. Mặt khác, đó cũng là hiện tượng quân chủ hóa vị thần, dẫn tới một tính tiêu cực của nó là, từ danh nghĩa tôn trọng vị thần dưới hình thức nghi lễ khắt khe, sẽ dẫn tới đồng nhất với việc tôn trọng chế độ quân chủ đương thời.

Mặt khác, có một hình thức thứ hai, đó là rước kiệu. Hiện nay, chúng ta chưa tìm được một bộ kiệu nào của làng từ thế kỷ XVI trở về trước, mà chủ yếu chỉ phát hiện được ở nửa cuối thế kỷ XVII về sau. Như vậy, một giả thiết đặt ra là, việc rước sách được phổ biến hơn, ít nhiều gắn với thời kỳ chế độ quân chủ tập quyền sau thời Nam Bắc triều. Song, dù cho việc rước sách đã được dân gian hóa (cũng như việc tế lễ nhằm đề cao thần) thì vẫn nhằm đề cao chính quyền đương nhiệm, với trống rong cờ mở chẳng khác gì hiện tượng rước vua, hay gắn với hình thức vinh quy của những người đỗ đạt cao. Ở đây, trong đoàn rước, ngoài cờ biển, bát bửu, phường bát âm... thì những ước vọng cầu mưa, cầu mùa, như múa rồng, hổ, hay những tục lệ nổi bật nào đó vẫn được bổ sung vào để tạo nên một hình thức rất khác với sinh hoạt của tầng lớp trên... Có thể lấy ví dụ như, trong hiện tượng múa rồng, người đất Bắc luôn cho con rồng chạy lên, chạy xuống, bao quanh lấy đám rước, như một biểu hiện về sự vận vũ của bầu trời mây động nước, với những tiếng trống sấm, làm náo nức lòng người, như tiếng gọi mưa rơi, đem sinh lực của trời cha tràn vào lòng đất mẹ, mà ở đây, biểu tượng cho đất là một ông hổ vàng. Hình thức đó đã thích hợp với quan niệm về âm dương thuộc tư duy nông nghiệp của người Việt, đồng thời cũng biểu hiện cho ước vọng theo tinh thần “phi trí bất hưng”. Bởi rồng là biểu tượng của học vị tiến sĩ, hổ là biểu tượng của học vị cử nhân trong thế “long hổ hội”. Có thể cho rằng, ý nghĩa thứ hai này ít nhiều được nảy sinh từ các nhà Nho thôn dã và được nhân dân chấp nhận.

## 2.2. Ứng xử với cộng đồng và với bản thân:

Ở đây là cộng đồng làng xóm và cộng đồng gia tộc. Cộng đồng làng xóm đã có từ rất sớm, ăn sâu

bén rễ vào tâm khảm của từng người. Con người luôn có ý thức phải xác định được vị thế của mình trong cộng đồng đó, mối quan hệ này được biểu hiện thông qua những hương ước và hội lệ. Trong hội, con người trở nên dễ hòa hợp hơn, một tôn ty trật tự thuộc luật tục được nhắc nhở để tính vị kỷ được hạn chế và lòng nhân ái vị tha được củng cố. Trong hội, người ta như dễ xác nhận được mình là ai để giữ lấy một truyền thống tốt đẹp. Mối quan hệ này tạo điều kiện cho sự cố kết cộng đồng.

Về mối quan hệ ứng xử giữa con người với dòng tộc, thực chất chỉ phát triển mạnh khi nền kinh tế tư nhân đã có chân đứng vững chắc trong xã hội, mà có thể nghĩ tới bắt đầu từ thế kỷ XVI. Chính lễ hội của cộng đồng làng xóm cũng là điều kiện để các dòng tộc tụ hội. Đây là một dịp để khối đoàn kết họ hàng được nhắc nhở để ôn lại công lao của tổ tiên, tránh tính kiêu căng, ích kỷ mà phát triển sự mưu mang.

Lễ hội còn là dịp con người tự coi lại chính mình nhằm chấn chỉnh những lệch lạc của tâm hồn, củng cố lòng tự tin. Đặc biệt là, nền kinh tế nông nghiệp ở nước ta chủ yếu là tiểu nông - với gia đình theo kiểu một vợ, một chồng, con trâu đi trước, cái cày theo sau... dễ dẫn đến phát triển tính cá nhân. Nhưng lễ hội đã kéo họ ra khỏi không gian chật hẹp ấy, để “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng”, đi tìm “một miếng giữa làng hơn một sàng xó bếp”... Như vậy, con người mới vượt lên trên được chính mình để nhập vào với cộng đồng, góp phần đề cao sự đoàn kết làng xóm, đó là điều kiện cần thiết trong việc bảo vệ sự bình ổn của cộng đồng. Suy rộng ra, cộng đồng làng xóm được bảo vệ và bình ổn cũng góp phần vào sự bình ổn xã hội, bởi đương thời làng xóm là tế bào của quốc gia và như thế ít nhiều lễ hội góp phần vào việc giáo dục ý thức yêu quý bản sắc văn hóa dân tộc, yêu quê hương xứ sở, nhất là tinh thần yêu nước của người Việt xưa kia... Ngoài ra, lễ hội không bao giờ chỉ nhằm mục đích vui chơi, vì ngày hội thường được định bởi không gian thiêng và cả thời gian thiêng liên quan đến nó. Rõ ràng là, mọi thứ trò diễn trong hội thường cũng mang ý nghĩa thiêng liêng, phản ánh mối quan hệ và ước vọng của con người với thiên nhiên, mặt nào như một gợi ý có tính “đặt cược” với thần linh. Ví dụ như hội chọi trâu ở Đồ Sơn và nhiều nơi khác, đã cho thấy mối quan hệ của con người với mặt trăng, với thủy triều và ước vọng bình yên cho những con thuyền ra khơi<sup>1</sup>.



Nó như chỉ được thực hiện vào những mùa mưa bão. Hiện tượng này được diễn ra ở ven biển, một địa điểm gắn gũi với biển cả, với bão tố. Rồi sau khi lễ chọi trâu kết thúc, con trâu nhất được đưa lên mông, chở ra thật xa để hiến tế cho Long Vương... Hiện tượng chọi trâu có khi đi sâu vào trong đất liền, như ở Phú Thọ hay nhiều khi được chuyển hóa với cách thức làm mô hình đầu trâu để người đội lên mà chọi (Hiếu Giang, Đông Hà, Quảng Trị). Có thể còn nhiều ví dụ khác để chúng ta tin rằng, những trò diễn trong lễ hội phần nhiều không chỉ là trò chơi đơn thuần, vì thế không nên nhập những trò diễn truyền thống cùng với các trò chơi thể dục thể thao như trong lễ hội hiện nay vào trong không gian thiêng truyền thống.

*3. Mối quan hệ với thiên nhiên trên nền tảng nông nghiệp (một trọng tâm của lễ hội)*

Ngay từ rất sớm, khi bước vào với nông nghiệp, người Việt sớm có nhận thức về mối quan hệ đối đãi âm dương. Khởi nguồn từ bà mẹ rừng, mà hội tụ vào bà Đông Công, thì đối trọng với bà ở bên kia sông đã có đến của Đức Ông, khi xuống tới Phú Thọ, thì nền nông nghiệp trồng lúa đã được khẳng định, đã xuất hiện với bà mẹ xứ sở Âu Cơ. Người đương thời đã sớm nhận biết có tối có sáng, có ngày có đêm, có trời có đất, có đực có cái, suy cho cùng, phải có âm và dương thì mới có thể phát sinh, phát triển. Rồi trong quá trình sản xuất, cha

trời và mẹ đất là đối tượng để họ cầu mong. Họ đã sớm nhận ra mưa là tinh dịch của trời cha tràn vào lòng đất mẹ cho muôn loài sinh sôi, nhưng không phải lúc nào trời cũng mưa và khi rời khỏi rừng núi, "quay nhìn lại", họ thường nhận thấy đỉnh núi có mây, chân núi ăn vào lòng đất, từ đó dần dần có nhận thức núi là trục sinh lực nối bầu trời và mặt đất, đặc biệt với những quả núi tương đối độc lập. Và, người Việt đã hội tâm vào núi Ba Vi. Đó là một ngọn chủ sơn của dân tộc (vì thế mà, trong tín ngưỡng dân gian, thần núi Tản Viên trở thành đức thánh Cả). Khi người Việt xuống tới vùng trung và hạ châu thổ thì họ sớm nhận ra rằng, nước là yếu tố số một trong sản xuất nông nghiệp, mà chủ yếu với phương thức sử dụng nước tại chỗ, ít sử dụng mương phai (một cụ thể là trong các câu ca dao của người xưa hầu hết đều gắn với việc cầu mưa). Từ thực tế đó, lễ hội gắn với nông nghiệp của người Việt thường chủ yếu gắn với việc cầu mưa. Ý thức này rất mạnh và nhiều khi ám ảnh trong tâm thức của cả những người ở vùng trũng. Đến lễ hội nào, ngay từ xa, khách hành hương đã nghe tiếng trống liên hồi, những trống đó khá lớn, được sơn màu đỏ và có tên là trống sấm. Người xưa và nay còn coi đó là tiếng gọi mùa vui, với sự rộn rã. Nhưng thực chất trong sâu thẳm nhận thức thì tiếng trống được coi như đồng nhất với tiếng sấm, bởi mỗi khi gõ trống thần đã làm rung động bầu



Rước kiệu - Hội đền Độc Bộ, Ý Yên, Nam Định - Ảnh: Bùi Quang Thanh



“Thăng hoa” - hội Phù Gióng, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội - Ảnh: Bùi Quang Thanh

sinh khí ở tầng trên.

Vào tới địa điểm lễ hội, ở nhiều nơi thường có múa rồng, múa sư tử. Suy cho cùng, hình thức này đã biểu hiện ước vọng liên quan đến cầu nguồn nước. Lấy ví dụ như múa sư tử của người Việt, thì đầu con sư tử (không có thân) được coi như đầu của hổ phù đang oẹ mặt trắng ra, đây là hình ảnh gắn với ước vọng cầu được mùa. Đuôi sư tử trước đây chủ yếu là mấy mét vải đỏ, để khi sư tử múa thì chiếc đuôi được vẩy theo, như biểu hiện về một sự vận động sinh lực của bầu trời. Kèm theo đó là trống lớn, với tiếng của nó biểu hiện cho sấm. Hai bên có đèn ông sao tượng cho bầu trời và đèn thềm thờ (cóc) như biểu tượng của vị thần gọi mưa, phía trước mặt của sư tử có một thanh niên múa quả lồi buộc các giải ngũ sắc, tượng cho sấm chớp. Hội lại như để tạo nên một “cơn mưa tinh thần” trong tâm tư con người và mong cho mặt đất tốt tươi, tượng bằng ông địa mặt tròn, với nụ cười hớn hở. Suy cho cùng, tiếng trống theo những điệu thức thật vui, cùng những động tác múa nhảy của sư tử rộn ràng, không đơn giản chỉ là một trò chơi ngày hội, mà đó như còn là một gợi ý của con người cho thiên nhiên tạo nên những nguồn nước thiêng phổn thực.

Và, cùng một ý nghĩa như vậy là hiện tượng múa rồng để biểu hiện sự vẫn vũ của mây trời. Một đặc điểm đối với cư dân đất Bắc (trước đây) là không hề có hiện tượng múa giữa rồng và lân trong hội dân gian. Vì quan niệm âm dương nông nghiệp chỉ sử dụng rồng và hổ, một trên, một dưới, tạo nên một cặp đối đãi để gợi ý với thiên nhiên (người Việt cho rằng, rồng và lân trong trường hợp này đều mang yếu tố dương nên không thích hợp).

Một biểu hiện khác gắn với cầu mưa là hội pháo, nổi lên với hội Đống Kỵ, song điển hình và tương đối cụ thể là hội của chùa Bối Khê. Hội này vào ngày 12 tháng Giêng, dân làng dựng một thân tre cao, trên đỉnh có gắn một màn than, có đường tròn rộng khoảng 2 thước ta, được phủ giấy bản quét thuốc pháo đen, tượng trưng cho bầu trời mây động nước, ở mặt trên được ẩn một quả pháo đại và nhiều quả pháo con. Vào ngày hội, đại diện các giáp lần lượt vào lễ thần, xin được đốt màn than bằng pháo nhị thanh hoặc pháo thăng thiên, họ phải cắt thuốc sao cho pháo bay tới màn than thì vừa nổ để làm bùng cháy màn này. Màn than cháy, được coi như chớp, dẫn đến các pháo con nổ như tiếng sấm rền và cuối cùng pháo lớn nổ như tiếng sấm đại. Người dân vui mừng coi đó là một

hình thức cầu mưa và như lời nhắc nhở với thánh Nguyễn Bình An (được thờ ở trong chùa), rằng: hồi thánh thiêng liêng, hãy theo gợi ý của chúng tôi đây mà nổi sấm lên gọi mây về, cho mưa xuống để chúng tôi có vụ mùa bội thu. Cùng với việc cầu mưa thì nhiều khi trong lễ hội còn có những hiện tượng gắn với việc chống lụt hay cầu tạnh, mà biểu hiện cụ thể là chèo thuyền vào tháng Chín, với hình thức người chèo đứng lên cùng các động tác đậm mạnh chân (chèo thuyền cầu mưa trong hội xuân thường ngồi), đó là một hiện tượng cầu tạnh để cho lúa chắc hạt. Cũng trong lễ hội mùa thu, cầu tạnh còn có tục thả diều, thả chim và nhiều tục khác nữa.

Từ những ước vọng phần thực qua cầu mưa, nhiều khi hình thức phần thực còn được diễn ra dưới các hiện tượng giao phối của muôn loài. Nếu như trên chạm khắc tại ngay trước mặt của các thần linh ở các đình, đền, chùa, với hình thức rồng phủ nhau, rồng phủ thú, hay hình tượng nam nữ ôm nhau (đình Thổ Tang), giao phối (đình Phù Lão, Bắc Giang)... Rồi còn đó rất nhiều hình tượng, như bà Banh, với bụng nở và hạ bộ rõ rệt (đình Phù Lão, chùa Thổ Hà, cùng nhiều nơi khác). Những hình tượng này không hề dấu diếm, che khuất, đã cho chúng tôi nghĩ tới sinh hoạt vợ chồng của người Mãng Ư (Tây Bắc), họ đã để củ và hạt ở dưới gầm giường để gợi ý cho các hạt giống, theo đó mà sinh sôi. Suy cho cùng, những hình tượng ấy cũng chỉ là một gợi ý cho thần linh vượt qua tính dâm bôn, để dẫn tới ước vọng hạnh phúc nông nghiệp. Trở lại với lễ hội, những hình tượng trong hội rước ông Đùng bà Đà (hình tượng về thế hệ thứ nhất của loài người), với nét dí dỏm dân gian đã cho ông Đùng chui vào váy của bà Đà. Rồi những hiện tượng khác như ở đền Đồng Cổ, Thanh Hóa, trong hậu cung nổi lên một hòn đá, như biểu tượng của linga, giữa

đêm trước ngày hội, người ta đã đưa một cô gái toàn trinh vào hậu cung rồi đóng cửa lại để thực l... chành hếch, cái đít chơi loi; chống cho thần coi, để thần phù hộ (theo Trịnh Ngũ, cán bộ di sản văn hóa Thanh Hóa, hiện đã về hưu). Còn ở Bắc Giang, người ta đã hát: "Của bà thì méo, của tôi thì tròn; già trật hai hòn, thờ cô Tích Mễ!". Rồi ở hội làng Dị Nậu (gần đền Hùng), cho đến nay vẫn còn thực hiện hành động "linh tinh tình phộc", tạo nên hình thức giao phối tượng trưng trước mặt thần, với cả nam và nữ đều cầm những hình sinh thực khí khá lớn, để khi tình phộc thì lại cắm vào nhau... Những dẫn chứng không thiếu, nhưng suy cho cùng, ở trong hội chỉ là những hình thức gợi ý cho thần, để mong thông qua những siêu lực vô biên của các ngài tác động tới cây trồng và vật nuôi đem đến sự phồn thịnh cho dân chúng.

Nhìn chung, lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, là một đối trọng cần thiết để giữ cân bằng cho cuộc sống luôn vất vả của người xưa. Lễ hội mang tính dân gian, đa dạng và chưa một ai có thể nắm hết được ý nghĩa sâu xa của lễ hội. Song, chỉ một vài dẫn chứng như nêu trên, lễ hội đã đáp ứng nhu cầu thiết tha của dân tộc ta trong quá khứ và trong hiện tại, giúp cho con người vượt qua tính vị kỷ, hướng về đoàn kết cộng đồng, với đầy đủ sự sáng tạo và nhằm hưởng thụ văn hóa, lễ hội chứa đựng nhiều dấu ấn về bản sắc văn hóa của dân tộc và điểm tối thượng của lễ hội cổ truyền là hướng con người đến tinh thần yêu thiên nhiên, đồng nội, yêu quý con người, mà đỉnh cao là dẫn tới tinh thần yêu nước./.

H.N

**Chú thích:**

1- Một số bộ phận trên con trâu mang ý nghĩa biểu tượng, gắn với thế lực tự nhiên, nên việc chọn trâu phải theo quy định rất khắt khe.

**Hương Nguyên: A Glimpse on Traditional Festivals**

The author puts forward the issue of ritual and festivity as two unity concepts. It is about the gathering of a community to practice a ritual including many behaviours to history time, deities, community, families, and person him/herself, and with the awareness of agriculture production. It is expressed in custom of chaos and other customs to look forward to asking for the beauty and prosperity in their community consciousness.